

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 30/6/2020.

V/v: “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Tô Thị Thanh H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh H1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Tô Thị Thanh H yêu cầu:*

Chị H và anh Nguyễn Anh H1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã Đ vào năm 2014. Hiện nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H1 vì những lý do sau: Quá trình chung sống với anh H1 thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân do anh H1 có hành vi đánh đập, chửi bới xúc phạm chị H nhiều lần. Ngoài thái độ không tôn trọng chị H anh H1 còn ham chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê ít quan tâm đến vợ con.

Nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện bàn bạc để hòa giải mâu thuẫn nhưng anh H1 không thay đổi, trong khi bản thân chị H có thiện chí xây dựng cuộc sống hòa thuận để vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nay chị H không còn tình cảm với anh H1 nữa nên xin được ly hôn.

Về trách nhiệm nuôi con sau khi ly hôn: Chị H và anh H1 chỉ có một người con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/01/2014. Khi ly hôn chị H mong muốn được quyền nuôi con cho đến khi thành niên và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con thành niên.

Về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì chị H không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ chị H giao nộp gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, 01 bản sao giấy khai sinh con chung; bản phô tô sổ hộ khẩu; đơn yêu cầu từ chối hòa giải, xét xử vắng mặt.

*\*/ Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - anh Nguyễn Anh H1 có ý kiến:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 và chị Tô Thị Thanh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2014.

Hiện nay theo yêu cầu ly hôn của chị H thì anh H1 không đồng ý vì vẫn còn tình cảm đối với chị H. Anh H1 thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh thiếu trách nhiệm với gia đình, không chăm lo làm ăn, đôi khi còn có thái độ xúc phạm chị H, tuy nhiên anh H1 vẫn còn tình cảm nên mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H1 và chị H có một người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/01/2014. Hiện nay anh H1 cũng có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, tuy nhiên để tạo điều kiện cho con phát triển tốt nhất thì anh đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H1 không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, anh H1 không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư Ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tô Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Anh H1.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Tô Thị Thanh H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục một con chung tên Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 19/01/2014 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Anh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con và phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Về án phí: Chị Tô Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Nguyễn Anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Tô Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tô Thị Thanh H và anh Nguyễn Anh H1 tự nguyện kết hôn, có đăng lý kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung sống chị H nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mà thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H1 không có trách nhiệm đối với gia đình nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh H1 không đồng ý ly hôn với chị H, anh H1 trình bày bản thân anh vẫn còn tình cảm và không mong muốn ly hôn với chị H. Tuy nhiên khi Tòa án tiến hành hòa giải thì anh H1 không tham gia, bản thân chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cương quyết ly hôn với anh H1.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 thấy rằng quá trình chung sống thực tế vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không tự hòa giải được và đã tự sống ly thân nhau. Điều này thể hiện tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân hạnh phúc, hòa thuận phải được xây dựng từ cả hai phía, trong khi đó bản thân chị H không còn tình cảm, không mong muốn được đoàn tụ chung sống với anh H1, nên cần giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị H và anh H1 có một người con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/01/2014. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh H1 phải cấp tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa anh H1 đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị H đưa ra. Căn cứ yêu cầu của chị H và sự chấp thuận của anh H1, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung nêu trên cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; anh H1 được quyền thăm nom chăm sóc con và phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về án phí:* Cần buộc chị H phải chịu án phí ly hôn và anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Tô Thị Thanh H.

1. *Về hôn nhân:* Chị Tô Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Anh H1.

2. *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:*

+ Giao cho chị Tô Thị Thanh H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 19/01/2014 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Anh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con và có nghĩa vụ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Tô Thị Thanh H mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con thành niên.

+ Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### 3. Về án phí:

+ Chị Tô Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 003406, ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Anh H1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

### 4. Về quyền kháng cáo:

+ Án xử sơ thẩm, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2020).

+ Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo)*

### Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Mạnh Trí**